

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các bên cung cấp dịch vụ ngoại kiểm xét nghiệm**

Bệnh viện đa khoa Hà Đông đang có nhu cầu tiếp nhận Báo giá để tham khảo xây dựng giá cho gói thầu với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, Số 2 – Bế Văn Đàn – Hà Đông – Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Lê Phương Minh – Nhân viên Phòng Vật tư TBVT

+ Điện thoại: 0983609128

+ Email: vtytbvhd@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư – Bệnh viện Đa khoa Hà Đông (Số 2- Bế Văn Đàn – Hà Đông - Hà Nội)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 06/11/2025 đến ngày 11/11/2025.

Lưu ý: Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của Báo giá: Tối thiểu 30 ngày.

### II. Nội dung Yêu cầu báo giá

1. Danh mục mua sắm: (Theo phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Đa khoa Hà Đông.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Ngay sau khi có kết quả trúng thầu và ký kết hợp đồng kinh tế.

4. Dự kiến về điều khoản thanh toán hợp đồng: Thời hạn dự kiến thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ khi bàn giao đầy đủ hồ sơ chứng từ đúng quy định cho Bệnh viện. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- BGD Bệnh viện
- Ban truyền thông (để thông báo trên Website của Bệnh viện);
- Lưu: VT, TCKT, VTTBYT;



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Vinh

## PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời báo giá của Bệnh viện đa khoa Hà Đông ngày 06/11/2025)

Gói thầu: Ngoại kiểm xét nghiệm năm 2026

| STT | Tên danh mục                                                                                     | Đơn vị       | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Chương trình ngoại kiểm Định nhóm máu                                                            | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br>01 bộ mẫu gồm: 06 ống 2.5mL trong đó có 03 ống hồng cầu và 03 ống huyết thanh<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 bộ mẫu/đợt, 4 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 02 thông số, bao gồm: Xác định nhóm máu hệ ABO<br>Xác định nhóm máu hệ Rh(D)                                                                               |
| 2   | Phí phân tích thêm thiết bị Chương trình ngoại kiểm Định nhóm máu (1 thiết bị đăng ký thêm)      | Đợt          | 4        | Đăng ký thêm thiết bị. Số đợt đăng ký là 4 đợt/năm. - Số thiết bị đăng ký thêm là 01 thiết bị.                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3   | Chương trình ngoại kiểm đếm số lượng thành phần bạch cầu                                         | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br>Bộ 6 kit<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 6 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 01 thông số: Tế bào bạch cầu                                                                                                                                                                                                       |
| 4   | Chương trình ngoại kiểm Đông máu toàn phần                                                       | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br>Lọ 1 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 12 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 17 thông số, bao gồm: Antithrombin III; Factor II Factor VII; Factor IX; Factor XI; Fibrinogen; Protein S; Prothrombin Time PT; D-Dimer; aPTT; Factor V Factor VIII; Factor X; Factor XII; Protein C; Plasminogen Thrombin Time TT |
| 5   | Phí phân tích thêm thiết bị Chương trình ngoại kiểm Đông máu toàn phần (1 thiết bị đăng ký thêm) | Đợt          | 12       | Đăng ký thêm thiết bị. Số đợt đăng ký là 12 đợt/năm. - Số thiết bị đăng ký thêm là 01 thiết bị.                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 6   | Chương trình Ngoại kiểm Đông máu rút gọn                                                         | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br>Lọ 1 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt 12                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT | Tên danh mục                                                                            | Đơn vị       | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                         |              |          | đợt/năm<br>Thông số phân tích: 05 thông số, bao gồm: Activated Partial Thromboplastin Time (aPTT)<br>Antithrombin III (ATIII)<br>Fibrinogen Prothrombin Time (PT)<br>Thrombin Time (TT)                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 7   | Chương trình ngoại kiểm Huyết Học                                                       | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br>Lọ 2 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 12 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 11 thông số, bao gồm: Haemoglobin (Hb)<br>Haematocrit (HCT)<br>Mean Cell Volume (MCV)<br>Mean Cell Haemoglobin (MCH)<br>Platelets (PLT)<br>Red Blood Cell Count (RBC)<br>Total White Blood Cell Count (WBC)<br>Mean Platelet Volume (MPV)<br>Plateletcrit (PCT)<br>Red Cell Dist. Width (RDW)<br>Mean Cell Haemoglobin Concentration (MCHC) |
| 8   | Phí phân tích thêm thiết bị Chương trình ngoại kiểm Huyết Học (3 thiết bị đăng ký thêm) | Đợt          | 36       | Đăng ký thêm thiết bị. Số đợt đăng ký là 12 đợt/năm. - Số thiết bị đăng ký thêm là 03 thiết bị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 9   | Chương trình ngoại kiểm Tim mạch                                                        | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br>Lọ 3 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 12 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 11 thông số, bao gồm: CK-MB Activity; CK-MB Mass<br>CK Total; D-Dimer; Digoxin;<br>Homocystein; hs-CRP; Myoglobin;<br>NT-proBNP; Troponin I; Troponin T                                                                                                                                                                                     |
| 10  | Phí phân tích thêm thiết bị Chương trình ngoại kiểm Tim mạch (1 thiết bị đăng ký thêm)  | Đợt          | 12       | Đăng ký thêm thiết bị. Số đợt đăng ký là 12 đợt/năm. - Số thiết bị đăng ký thêm là 01 thiết bị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 11  | Chương trình ngoại kiểm Miễn dịch đặc                                                   | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br>Lọ 2 mL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT | Tên danh mục                                                                                      | Đơn vị       | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | biệt 1                                                                                            |              |          | Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 12 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 11 thông số, bao gồm: 1-25-OH-Vitamin D; 25-OH-Vitamin D; Anti-TG; Anti-TPO; C-peptide IGF-1; Insulin; Osteocalcin; Procalcitonin; PTH; PTH (1-84) (Thử nghiệm)                                                                                                                                                                                                                             |
| 12  | Chương trình ngoại kiểm Nước tiểu định tính                                                       | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm: Lọ 12 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 6 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 14 thông số, bao gồm: Albumin/Microalbumin; Bạch cầu; Bilirubin; Creatinin; Galactose; Glucose; hCG; Hồng cầu; Ketone Nitrit; pH; Protein; Tỷ trọng Urobilinogen                                                                                                                                                                               |
| 13  | Phí phân tích thêm thiết bị Chương trình ngoại kiểm Nước tiểu định tính (2 thiết bị đăng ký thêm) | Đợt          | 12       | Đăng ký thêm thiết bị. Số đợt đăng ký là 6 đợt/năm. - Số thiết bị đăng ký thêm là 02 thiết bị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 14  | Chương trình ngoại kiểm Khí máu                                                                   | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm: Lọ 1.8 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 12 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 11 thông số, bao gồm: pCO <sub>2</sub> ; pH; pO <sub>2</sub> ; HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ; tCO <sub>2</sub> Ca <sup>++</sup> ; Cl <sup>-</sup> ; Glucose; Lactat; K <sup>+</sup> ; Na <sup>+</sup>                                                                                                                                       |
| 15  | Chương trình ngoại kiểm Protein đặc biệt                                                          | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm: Lọ 1 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 12 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 26 thông số, bao gồm: AFP; Albumin; Alpha-1-acid glycoprotein; Alpha-1-antitrypsin; Alpha-2-macroglobulin; ASLO; Antithrombin III; Beta-2-microglobulin; Ceruloplasmin; C3 bổ thể; C4 bổ thể; CRP; Ferritin; Haptoglobin; IgA; Ig E; Ig G; Ig M; Chuỗi nhẹ tự do Kappa; Chuỗi nhẹ toàn phần Kappa; Chuỗi nhẹ tự do Lambda; Chuỗi nhẹ toàn phần |

| STT | Tên danh mục                                                                                   | Đơn vị       | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                |              |          | Lambda; Prealbumin (Transthyretin); Protein gắn Retinol (RBP); Rheumatoid Factor (RF) Transferrin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 16  | Phí phân tích thêm thiết bị Chương trình ngoại kiểm Protein đặc biệt (3 thiết bị đăng ký thêm) | Đợt          | 36       | Đăng ký thêm thiết bị. Số đợt đăng ký là 12 đợt/năm. - Số thiết bị đăng ký thêm là 03 thiết bị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 17  | Chương trình ngoại kiểm HbA1c                                                                  | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br>Lọ 0.5 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 12 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 02 thông số, bao gồm: HbA1c (Chuẩn truy nguyên nguồn gốc : HbA1c results aligned to DCCT / NGSP; HbA1c results aligned to IFCC); Total Hb (Chuẩn truy nguyên nguồn gốc: Total Hb results aligned to DCCT / NGSP; Total Hb results aligned to IFCC)                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 18  | Phí phân tích thêm thiết bị Chương trình ngoại kiểm HbA1c (1 thiết bị đăng ký thêm)            | Đợt          | 12       | Đăng ký thêm thiết bị. Số đợt đăng ký là 12 đợt/năm. - Số thiết bị đăng ký thêm là 01 thiết bị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 19  | Chương trình Ngoại kiểm Hóa sinh                                                               | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br>Lọ 5 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 12 đợt/năm<br>Các thông số phân tích: 55 thông số, bao gồm: ACE; Acid phosphatase Prostatic; Acid phosphatase toàn phần; Acid mật; Albumin; ALP; ALT (GPT); Amylase tụy; Amylase toàn phần; AST (GOT); Bicarbonat; Bilirubin trực tiếp; Bilirubin toàn phần; Calci ion; Calci toàn phần; Clo; Cholinesterase; Cholesterol; CK toàn phần; Creatinin; D-3-hydroxybutyrat; Đồng; EGFR; Fructosamin; FT3; FT4; GGT; GLDH; Glucose; HBDH; HDL-Cholesterol; Lactat; LD (LDH); LDL-Cholesterol; Lipase; Liti; Magie; NEFA; Non-HDL Cholesterol; Độ thẩm thấu; Phosphat |

| STT | Tên danh mục                                                                           | Đơn vị       | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                        |              |          | vô cơ; Kali; Kẽm; Protein toàn phần; PSA toàn phần; Natri; Sắt; TIBC; T3 toàn phần; T4 toàn phần; Triglycerid TSH; UIBC; Ure; Uric Acid                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 20  | Phí phân tích thêm thiết bị Chương trình Ngoại kiểm Hóa sinh (3 thiết bị đăng ký thêm) | Đợt          | 36       | Đăng ký thêm thiết bị. Số đợt đăng ký là 12 đợt/năm. - Số thiết bị đăng ký thêm là 03 thiết bị.                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 21  | Chương trình ngoại kiểm Nước tiểu định lượng cơ bản                                    | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm: Lọ 10 mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 24 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 21 thông số, bao gồm: Albumin/Creatinin Ratio; Albumin/Microalbumin; Amylase; Calci; Clo; Cortisol; Creatinin; Dopamin; Đồng; Độ thẩm thấu; Epinephrin; Glucose; Kali; Magie; Natri; Norepinephrin; Normetanephrin; Phosphate vô cơ; Protein toàn phần; Ure; Uric Acid |
| 22  | Chương trình ngoại kiểm Định danh và Kháng nấm đồ                                      | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm: 01 bộ mẫu bao gồm: 02 mẫu định danh nấm, 02 mẫu kháng nấm đồ<br>Tần suất phân tích mẫu: 01 bộ mẫu/đợt, 02 đợt/ năm<br>Thông số phân tích: 02 thông số, bao gồm Định danh nấm; Kháng nấm đồ                                                                                                                                                              |
| 23  | Chương trình ngoại kiểm Vi sinh                                                        | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm: 01 bộ mẫu bao gồm: 02 mẫu tiêu bản, 02 mẫu định danh, và 02 mẫu kháng sinh đồ<br>Tần suất phân tích mẫu: 1 bộ mẫu/đợt, 4 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 03 thông số, bao gồm: Nhuộm soi vi khuẩn; Nuôi cấy và định danh vi khuẩn; Kháng sinh đồ                                                                                                         |
| 24  | Chương trình ngoại kiểm Cúm (PoCT: Kháng nguyên Influenza A và B)                      | Chương trình | 1        | Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm: Lọ 0.5mL<br>Tần suất phân tích mẫu: 2 mẫu/đợt, 2 đợt/năm<br>Thông số phân tích: 02 thông số, bao gồm: PoCT Kháng nguyên Influenza A; PoCT Kháng nguyên Influenza B                                                                                                                                                                                      |



| STT | Tên danh mục                                                                            | Đơn vị       | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 25  | Chương trình Ngoại kiểm Miễn dịch                                                       | Chương trình | 1        | <p>Quy cách đóng gói mẫu ngoại kiểm:<br/> Lọ 5 mL<br/> Tần suất phân tích mẫu: 1 mẫu/đợt, 12 đợt/năm<br/> Thông số phân tích: 55 thông số, bao gồm: 17-OH-progesteron; 1-25-OH-Vitamin D (thử nghiệm); 25-OH-Vitamin D; ACTH; AFP; Aldosteron; Amikacin; Androstenedion; <math>\beta</math>-2-microglobulin; C-peptid; CA125; CA15-3; CA19-9; Carbamazepin; CEA; Cortisol; DHEA, Unconjugated; DHEA-S; Digoxin; Estriol (Thử nghiệm); Chỉ số Androgen tự do (Thử nghiệm); Ferritin; Folat; FT3; FT4; Gentamicin; hCG; IgE; Insulin; LH; Oestradiol; Paracetamol; Vancomycin; PTH; PTH (1-84) (Thử nghiệm); Phenobarbital; Phenytoin; Progesteron; Prolactin; PSA toàn phần; PSA tự do; Salicylat; SHBG; T3; T4; Testosteron; Testosteron tự do (Thử nghiệm); Theophyllin; Thyroglobulin; T-uptake (thử nghiệm); FSH; GH; TSH; Valproic Acid; Vitamin B12</p> |
| 26  | Phí phân tích thêm thiết bị Chương trình Ngoại kiểm Miễn dịch (1 thiết bị đăng ký thêm) | Đợt          | 12       | <p>Đăng ký thêm thiết bị. Số đợt đăng ký là 12 đợt/năm. - Số thiết bị đăng ký thêm là 01 thiết bị.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 27  | Vận chuyển nội thành                                                                    | Lần          | 16       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |